

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	114.107.071.018	186.562.116.803
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ	114.107.071.018	186.562.116.803
4	Giá vốn hàng bán	45.653.119.486	86.320.081.707
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	68.453.951.532	100.242.035.096
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3.017.799.395	4.291.939.473
7	Chi phí tài chính	18.619.064.200	38.836.042.765
8	Chi phí bán hàng	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.062.146.441	4.167.927.576
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	50.790.540.286	61.530.004.228
11	Thu nhập khác	-	175.916.336
12	Chi phí khác	-	301.830.226
13	Lợi nhuận khác	-	(125.913.890)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50.790.540.286	61.404.090.338
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.888.344.551	10.747.954.783
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	41.902.195.735	50.656.135.555
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	599	724
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	-	-

Bình Phước, ngày 22 tháng 07 năm 2009

Tổng Giám đốc *un*



Lê Tuấn Hải

Mẫu CBTT-03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)